

Số: 213 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 05 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững
trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nuôi trồng thủy sản thành phố Cần Thơ theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, bền vững, sức cạnh tranh cao, phù hợp với điều kiện sinh thái vùng và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị sản phẩm và hiệu quả sản xuất dựa trên việc tổ chức sản xuất phù hợp, đầu tư đồng bộ và áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào toàn chuỗi giá trị sản phẩm đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm dịch vụ khoa học công nghệ về thủy sản, đặc biệt là trung tâm sản xuất giống con giống thủy sản chủ lực chất lượng cao. Đưa nuôi trồng thủy sản trở thành lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Giai đoạn 2021 – 2025

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP) khu vực nông nghiệp - thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 bình quân đạt 2,5%.

- Tỷ trọng nông nghiệp - thủy sản trong cơ cấu kinh tế: 5,5 - 06%.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP) khu vực nông nghiệp - thủy sản giai đoạn 2026 - 2030 bình quân đạt 2%.

- Tỷ trọng nông nghiệp - thủy sản trong cơ cấu kinh tế: 3,5 - 4%.
- Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung kiểm soát được môi trường, dịch bệnh và an toàn thực phẩm đạt 100%.
- Diện tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản được sản xuất theo mô hình hợp tác và liên kết chuỗi đạt trên 30%.
- Lao động nuôi trồng thủy sản được tập huấn, đào tạo nghề đạt trên 30%.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt một trong các chứng nhận GAP, hữu cơ và các chứng nhận chất lượng khác đạt trên 60%.
- Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nuôi trồng thủy sản đạt trên 90% đến năm 2030.
- Đến năm 2030, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 9.500 ha, bao gồm: nuôi ao và ruộng vườn 2.980 ha, riêng diện tích nuôi cá tra là 750 ha, nuôi cá kết hợp với trồng lúa 5.545 ha; sản xuất giống và nuôi thủy sản khác 225 ha. Tổng sản lượng thủy sản đạt 265.000 tấn, trong đó sản lượng cá tra đạt khoảng 185.000 tấn. Số lượng cơ sở sản xuất giống là 150 cơ sở.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Phát triển sản xuất nuôi trồng thủy sản theo chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng an toàn thực phẩm, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa, hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, trang bị cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa và sinh học hóa đồng bộ gắn với công nghiệp chế biến, phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị hiện đại, hướng đến xây dựng nền nông nghiệp tri thức. Xây dựng các thương hiệu uy tín, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, có khả năng cạnh tranh cao và bền vững. Hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển có trách nhiệm theo hướng kinh tế tuần hoàn, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả.

1. Phát triển nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Cá tra

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 987/QĐ-BNN-TCTS ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Đề án liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tập trung phát triển nuôi cá tra công nghiệp ven sông Hậu và các khu vực có điều kiện thuận lợi để sản xuất tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu.

- Nghiên cứu, áp dụng công nghệ nuôi mới, tiết kiệm nước, tiết kiệm nhiên liệu để bảo vệ môi trường, phòng ngừa dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ mới về chọn tạo giống, dinh dưỡng, vaccine, công nghệ

enzyme, giải pháp kỹ thuật xử lý chất thải, nước thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát triển nghề nuôi cá tra theo hướng bền vững.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành hàng cá tra, tăng cường liên kết sản xuất, phát triển ngành cá tra theo chuỗi cung ứng, nâng cao tỷ lệ diện tích, sản phẩm cá tra nuôi được chứng nhận theo các tiêu chuẩn chất lượng GAP, ASC, BAP... đáp ứng yêu cầu của các thị trường nhập khẩu.

b) Cá rô phi và các loài thủy sản khác nuôi lồng bè

- Phát triển nuôi cá rô phi tập trung áp dụng công nghệ cao, có chứng nhận để nâng cao năng suất, sản lượng và phát triển nuôi cá rô phi lồng bè ven sông Hậu theo hướng bền vững. Phát triển nuôi ổn định khoảng 300 lồng, bè nuôi ven sông Hậu ở quận Thốt Nốt (phường Tân Lộc), quận Ô Môn (phường Thới An, Thới Long), quận Bình Thủy (phường Bùi Hữu Nghĩa), quận Cái Răng (phường Tân Phú).

- Tiếp tục duy trì và phát triển mô hình nuôi cá rô phi ghép với các loài thủy sản khác trong hệ thống nuôi kết hợp vườn cây ăn quả.

c) Các đối tượng thủy sản nuôi khác

- Duy trì quy mô sản xuất các loài cá truyền thống cung cấp cho nhu cầu tiêu thụ nội địa. Đa dạng loài nuôi, sản phẩm nuôi, khuyến khích nuôi trồng thủy sản theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Phát triển nuôi các loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế cao như: cá thát lát, cá lóc, cá trê, lươn, ếch, cá chạch lấu,... tập trung ở các quận Thốt Nốt, Bình Thủy, Ô Môn, huyện Thới Lai, Cờ Đỏ, Phong Điền. Có điều kiện thuận lợi thì xuất khẩu sản phẩm chế biến các loài cá bản địa nhằm tăng thu nhập và ngoại tệ.

- Phát triển mô hình nuôi thủy sản làm cảnh/giải trí, các mô hình nông nghiệp đô thị ở các quận trung tâm như: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Phong Điền.

- Phát triển mô hình nuôi thủy sản hữu cơ: phát triển mô hình nuôi tôm - lúa (ở huyện Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh); phát triển mô hình nuôi cá - lúa ở các huyện: Cờ Đỏ (xã Thới Hưng, Đông Hiệp, Đông Thắng), Thới Lai (xã Đông Bình, Đông Thuận, Xuân Thắng); Vĩnh Thạnh; phát triển mô hình cây ăn trái kết hợp thủy sản (Cờ Đỏ, Phong Điền).

2. Phát triển hệ thống sản xuất, cung ứng giống và vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản

- Thực hiện Dự án “Xây dựng Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ gắn với vùng nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long” ở huyện Vĩnh Thạnh

quy mô 30 ha theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện nghiên cứu, sản xuất, cung cấp vật tư đầu vào gắn với trung tâm nghề cá lớn để phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tăng cường công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc giống thủy sản nhập vào địa bàn; kiểm soát dịch bệnh đối với giống thủy sản đảm bảo 100% giống thủy sản được kiểm dịch khi lưu thông ra khỏi địa bàn; kiểm soát nguy cơ xâm nhiễm một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản từ nước ngoài vào Việt Nam; ngăn ngừa phát tán và lây lan dịch bệnh thủy sản.

- Hỗ trợ phát triển liên kết giữa sản xuất thức ăn, thuốc, vật tư thiết yếu với các vùng nuôi tập trung, tiến tới đáp ứng 100% nguồn vật tư sản xuất trong nước đáp ứng đủ nhu cầu số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất giống và nuôi thương phẩm.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch 198/KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 (thực hiện theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Triển khai Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ triển khai thực hiện Bản thỏa thuận Chương trình hợp tác giữa thành phố Cần Thơ và Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2020-2025.

- Kiểm soát dịch bệnh đối với giống thủy sản đảm bảo 100% giống thủy sản được kiểm dịch khi lưu thông ra khỏi địa bàn, ngăn ngừa phát tán và lây lan dịch bệnh thủy sản. Kiểm soát nguy cơ xâm nhiễm một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Kiểm soát dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản và xây dựng, phát triển các cơ sở nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh, ưu tiên các đối tượng thủy sản nuôi chủ lực và đối tượng nuôi có giá trị hàng hóa lớn (thực hiện theo Kế hoạch phòng chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, dự án về xây dựng cơ sở hạ tầng theo hướng sử dụng đa mục tiêu; ưu tiên nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng hiện

có, chỉ đầu tư mới ở những vùng sản xuất trọng điểm, đầu mối để phục vụ cho khu vực sản xuất tập trung.

- Triển khai các dự án đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng đầu mối thiết yếu tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, hạ tầng phục vụ nghiên cứu và đào tạo, tập huấn, hạ tầng trung tâm giao dịch, cung ứng dịch vụ và thương mại đối với vật tư, thiết bị và sản phẩm thủy sản.

a) Đầu tư hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản

- Tiến hành gia cố hệ thống đê, nạo vét kênh mương, tăng khả năng chủ động lấy nước, trữ nước, tiêu thoát và điều tiết lũ để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt ổn định, bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để chủ động cấp nước; nâng cấp đê bao, bờ bao ở các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung. Xây dựng hệ thống công điều tiết nước chủ động ở các vùng tập trung để phục vụ sản xuất, đặc biệt là phục vụ các mô hình nuôi thủy sản kết hợp với trồng lúa.

b) Đầu tư hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường nước ở các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đảm bảo quan trắc kịp thời biến động môi trường, thông tin, cảnh báo cho cơ quan quản lý thủy sản, các cơ sở nuôi trồng thủy sản trong vùng. Áp dụng công nghệ mới trên nền tảng số để cảnh báo sớm về biến động môi trường nước, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu tác động đến vùng nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất giống tập trung được cập nhật kịp thời.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, vận hành hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường tại một số vùng nuôi trọng điểm, quy mô lớn.

- Hình thành hệ thống cảnh báo sớm biến động môi trường trên nền tảng ứng dụng công nghệ 4.0; cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường được cập nhật thống nhất từ Trung ương đến địa phương và chia sẻ với các bên có liên quan.

c) Đầu tư hạ tầng sản xuất giống

- Triển khai thực hiện Dự án “Xây dựng Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ gắn với vùng nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long” ở huyện Vĩnh Thạnh (quy mô 30 ha) theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng trung tâm giao dịch/logistic cho sản phẩm thủy sản, đặc biệt là vùng nuôi thủy sản trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long (theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021 - 2030).

- Nâng cao năng lực sản xuất giống của Trung tâm giống thủy sản cấp I Cần Thơ (quy mô 20 ha), đảm bảo đáp ứng khả năng cung cấp con giống thủy sản chất lượng cao cho địa phương và toàn vùng.

4. Tổ chức, quản lý sản xuất

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Thủy sản 2017 và các quy định hiện hành đảm bảo các cơ sở nuôi trồng thủy sản hoạt động đúng quy định pháp luật.

- Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, từ con giống, vật tư đầu vào, nuôi thương phẩm đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ đóng vai trò hạt nhân liên kết và tổ chức chuỗi sản xuất (bao gồm cả các cơ sở nhỏ lẻ, phân tán thành các mô hình HTX, tổ hợp tác). Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát dư lượng để đảm bảo an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản, tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Đến năm 2030, đảm bảo đầu ra ổn định cho trên 50% sản lượng sản phẩm nuôi trồng thủy sản thông qua chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ.

- Hướng dẫn nuôi theo quy trình sạch (VietGAP, GlobalGAP, ...) là điều kiện tiên quyết để sản phẩm có thể lưu thông trên thị trường. Một số mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch sinh thái, ẩm thực, giải trí, tuần hoàn được xây dựng.

- Thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết, phối hợp giữa các địa phương, các ngành kinh tế để sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đặc biệt là tài nguyên nước, hệ thống hạ tầng và kết quả các đề tài nghiên cứu, dự án từ các Viện, Trường Đại học ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, chuyển đổi số nâng cao hiệu quả trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thủy sản.

- Xây dựng, thực hiện chương trình giám sát dư lượng an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản, tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

- Triển khai các Chương trình, dự án, đề án theo Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ đầu tư, sản xuất, chế biến, tiêu thụ, quản lý chất lượng hàng hóa, vật tư chuyên ngành thủy sản.

5. Khoa học công nghệ, khuyến ngư và đào tạo nguồn nhân lực

- Phối hợp nghiên cứu, chọn tạo, phát triển đàn cá tra chọn giống chất lượng cao để chủ động cung cấp cho nhu cầu phát triển nuôi. Nghiên cứu sản xuất giống các loài thủy sản có giá trị kinh tế, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp nghiên cứu về dinh dưỡng, thức ăn, chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản; phát triển các biện pháp kỹ thuật cải tạo môi trường, phòng trị bệnh, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch phục vụ cho phát triển nuôi trồng thủy sản nhằm bảo vệ môi trường, giảm giá thành, tăng hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp phát triển sản xuất thuốc thú y thủy sản có nguồn gốc từ nguyên liệu thân thiện với môi trường, từng bước thay thế thuốc kháng sinh dùng trong nuôi trồng thủy sản được sản xuất và đáp ứng nhu cầu.

- Phối hợp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các quy trình công nghệ mới (giải pháp kỹ thuật, GIS, chuỗi khối Blockchain, tự động hóa, ...), nuôi trồng thủy sản thân thiện môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm an toàn thực phẩm.

- Phối hợp nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật mới, công nghệ số vào quản lý và sản xuất như: cảnh báo môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, dự báo khí hậu thời tiết, thông tin về thị trường,...

- Thí điểm và nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình về kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất, truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị, mô hình kinh tế tuần hoàn sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo cán bộ nghiên cứu, quản lý, chủ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống người nuôi thủy sản để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản hiệu quả, bền vững. Xây dựng các hướng dẫn nuôi trồng thủy sản gắn với an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường, an toàn thực phẩm, trọng tâm cho nuôi cá tra, các loài thủy sản có giá trị kinh tế. Thực hiện lồng ghép với Đề án về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành thủy sản và Đề án về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản.

6. Xúc tiến thương mại sản phẩm nuôi trồng thủy sản

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, người nuôi tham gia vào các sự kiện triển lãm, hội chợ,... trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời phối hợp các cơ quan chức năng để nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận với thông tin thị trường, thương mại mặt hàng thủy sản cho các doanh nghiệp, các cán bộ quản lý và người sản xuất.

- Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp phát triển thương hiệu các sản phẩm thủy đặc sản của vùng. Xây dựng và tổ chức tốt hoạt động liên kết vùng,

đặc biệt là với thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản, nhất là các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao của Việt Nam. Xây dựng và hoàn thiện các sàn thương mại điện tử, hình thành hệ thống kênh phân phối sản phẩm thủy sản trong và ngoài nước.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của UBND thành phố Cần Thơ về việc xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản Cần Thơ giai đoạn 2022 - 2025.

7. Các cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư lĩnh vực thủy sản

- Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn lĩnh vực thủy sản nhằm thể chế hóa Chương trình số 28-CTr/TU ngày 31/12/2021 của Thành ủy về hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2024 - 2030.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; các chính sách về khuyến khích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; chính sách hỗ trợ tín dụng; chính sách hỗ trợ nông dân thực hiện Chiến lược cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện kế hoạch

Nguồn vốn thực hiện được huy động từ nhiều nguồn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn của các thành phần kinh tế khác.

a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; chi đầu tư phát triển ưu tiên đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, nâng cao năng lực quản lý ngành và đào tạo nguồn nhân lực.

b) Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khác.

c) Nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế tài chính

a) Đối với dự án do Bộ, ngành quyết định đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: thực hiện các dự án khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản; đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất giống, vùng nuôi trồng thủy sản.

- Ngân sách địa phương: Tham gia đầu tư các hạng mục công trình khác của vùng sản xuất giống, vùng nuôi trồng thủy sản; duy tu, bảo trì hàng năm các

hạng mục công trình và chi phí bộ máy quản lý sau đầu tư đối với các công trình đầu tư.

b) Đối với dự án do địa phương quyết định đầu tư: Địa phương chủ động bố trí nguồn kinh phí do địa phương quản lý thực hiện đầu tư theo quy định.

c) Vốn của các thành phần kinh tế khác: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển nuôi thủy sản.

3. Các dự án, kế hoạch, chương trình lĩnh vực thủy sản thực hiện đến năm 2030 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, các dự án đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị xây dựng và tổng kết các mô hình sản xuất, kinh doanh nuôi trồng thủy sản có hiệu quả, thích ứng biến đổi khí hậu để phổ biến nhân rộng.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời, theo quy định của pháp luật về giống thủy sản, nuôi trồng thủy sản, thuốc thú y thủy sản, khai thác thủy sản.

2. Sở Tài chính

Thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí thực hiện kế hoạch này theo đúng quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tổng hợp, bố trí vốn cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp thẩm quyền bố trí để thực hiện kế hoạch; đề xuất các chương trình, dự án đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương và các Bộ, ngành liên quan để tham mưu lập kế hoạch và phân bổ nguồn vốn triển khai thực hiện; phối hợp chủ trì thẩm định các chương trình, dự án đầu tư theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khác nằm trong Chương trình phát triển thủy sản của địa phương; phối hợp trong công tác tổ chức, quản lý sản xuất ở địa phương nhằm phát triển ngành thủy sản theo hướng ổn định và bền vững.

- Tổ chức tuyên truyền về lĩnh vực thủy sản trên các phương tiện thông tin trên địa bàn quản lý.

5. Tổ chức, cá nhân, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

- Tham gia thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng phát triển nuôi trồng thủy sản, các dự án liên quan đến nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, quản lý môi trường, sản xuất giống và các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chủ động đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố để chỉ đạo kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, PCT UBND thành phố (1AC);
- Các Sở ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- VP. UBND thành phố (2D,3B);
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.HN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hè



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH
LĨNH VỰC THỦY SẢN THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030
(kèm theo Kế hoạch số 213 /KH-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023)

1. Dự án “xây dựng Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ gắn với vùng nuôi trồng thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long” quy mô 30 ha.
2. Xây dựng trung tâm giao dịch/logistic cho sản phẩm thủy sản, đặc biệt là vùng nuôi thủy sản trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long
3. Thực hiện Chương trình Khuyến ngư địa phương xây dựng và phát triển các mô hình nuôi thủy sản hiệu quả (theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2025).
4. Thực hiện Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022-2025.
5. Thực hiện Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Kế hoạch hỗ trợ áp dụng Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022 – 2025.
6. Thực hiện Chương trình An toàn thực phẩm theo Thực hiện công tác thẩm định, cấp giấy chứng nhận theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư 32/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
7. Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố Cần Thơ về việc hợp tác với trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2025.
8. Thực hiện Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Cần thơ giai đoạn 2021-2030.
9. Thực hiện Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Cần Thơ về việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Cần thơ giai đoạn 2021-2025.
10. Thực hiện Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản Cần Thơ giai đoạn 2022 – 2025.

11. Thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

12. Quy chế phối hợp số 895/QCPH-TCTS-SNNPTNT ngày 10/6/2022 giữa Tổng cục Thủy sản và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố: An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp trong công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản.